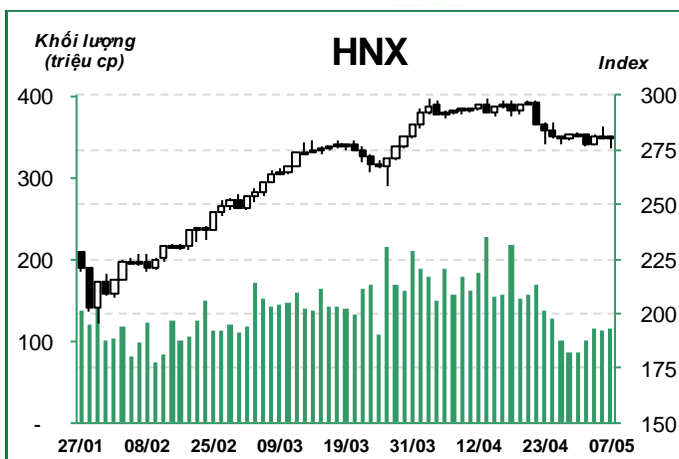
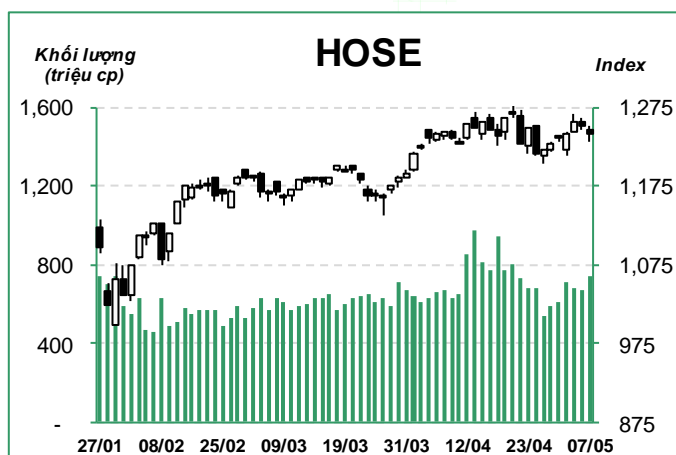


Tổng quan thị trường

07/05/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	1,241.81	-0.70%	1,340.73	-0.29%	279.86	-0.44%
Cuối tuần trước	1,239.39	0.20%	1,312.28	2.17%	281.75	-0.67%
Trung bình 20 ngày	1,243.72	-0.15%	1,296.30	3.43%	287.02	-2.50%
Tổng KLGD (triệu cp)	783.04	7.19%	299.77	27.11%	122.31	6.29%
KLGD khớp lệnh	745.22	10.83%	291.44	28.47%	114.82	2.50%
Trung bình 20 ngày	741.57	0.49%	231.03	26.15%	140.98	-18.56%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	22,420.12	10.37%	13,492.91	22.66%	2,356.98	15.36%
GTGD khớp lệnh	21,071.67	16.89%	13,143.78	26.92%	2,167.03	8.46%
Trung bình 20 ngày	18,381.22	14.64%	10,162.75	29.33%	2,519.77	-14.00%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	118	25%	7	23%	66	18%
Số mã giảm	307	66%	22	73%	155	42%
Số mã đứng giá	41	9%	1	3%	146	40%



Thị trường chìm trong sắc đỏ trong phiên giao dịch ngày thứ 6 khi các nhà đầu tư có động thái phản ứng với những thông tin tiêu cực từ một loạt ca nhiễm Covid-19 mới vừa được ghi nhận trong cộng đồng, đặc biệt là 10 ca dương tính tại bệnh viện K ở Hà Nội. Áp lực bán nhanh chóng lan tỏa khiến các chỉ số giảm điểm ngay từ đầu phiên và đà giảm tiếp tục được nới rộng đến đầu phiên chiều. Tuy nhiên, ngay khi VN-Index chạm ngưỡng 1,230 điểm, dòng tiền bắt đáy được kích hoạt với sự khởi sắc của nhóm thép và ngân hàng giúp các chỉ số lấy lại phần nào điểm số đã mất.

Trên sàn HoSE, chỉ số VN-Index đóng cửa tại mức 1,241.81 điểm (-0.70%). Thanh khoản được đẩy lên mức cao với KLGD khớp lệnh đạt 745.2 triệu cổ phiếu (+10.8%), tương đương 21,072 tỷ đồng giá trị (+16.9%). Độ rộng thị trường nghiêng hẳn về bên bán với 307 mã giảm/118 mã tăng.

Sắc đỏ hiện diện ở hầu hết các nhóm ngành trên sàn HoSE. Nổi bật lên là các Bluechips giảm sâu cùng khối lượng tăng cao như Vietcombank-VCB (-2.3%), Vinamilk-VNM (-2.9%), Vinhomes-VHM (-1.6%) hay BIDV-BID (-1.5%) gây áp lực lớn cho chỉ số. Trong khi đó, các cổ phiếu midcap và penny cũng có mức giảm điểm tương đối nhưng thanh khoản chưa tăng quá nhiều. Ở chiều ngược lại, các cổ phiếu thuộc nhóm ngân hàng như Vietinbank-CTG (+2.1%), HDBank-HDB (+4.2%), Ngân hàng Tiên Phong-TPB (+3.4%) và nhóm thép với Hòa Phát-HPG (+2.4%), Tập đoàn Hoa Sen-HSG (+5.2%), Thép Nam Kim-NKG (+6.8%) vẫn hút tiền khá mạnh và là động lực giúp thu hẹp mức giảm cho VN-Index vào cuối phiên.

Về giao dịch khối ngoại, áp lực bán sụt giảm so với phiên trước trong khi giá trị mua cũng tăng lên dẫn đến giá trị bán ròng của khối ngoại thu hẹp đáng kể xuống còn 333.1 tỷ đồng (-69.8%). Trong đó, những cổ phiếu bị bán mạnh hôm qua

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
FUEVFN	5,240.0	116.90
D		
TPB	4,100.0	111.81
SHI	2,465.0	61.86
ACB	1,545.5	57.18
TCB	1,105.0	53.05
VNM	598.5	52.61
DBD	1,160.3	50.93
VHM	520.0	50.90
VGC	1,435.2	48.80
EIB	1,668.3	42.71
HNX		
VND	2,510.4	91.63
IDC	1,675.0	53.40
HUT	2,420.0	13.31
DDG	329.1	10.55
VFG	149.9	8.78
IDV	107.0	6.74
NRC	164.5	3.80
TNG	30.0	0.65
VIG	60.0	0.33
THS	14.0	0.27

như VPBank-VPB (-368.8 tỷ), Hòa Phát-HPG (-123.6 tỷ), Vinamilk-VNM (-95.5 tỷ) tiếp tục dẫn đầu danh sách bị bán ròng trong hôm nay. Trái lại, khối ngoại tập trung mua ròng chứng chỉ quỹ-FUEVFNVD (+129.5 tỷ) và một số cổ phiếu như Vinhomes-VHM (+60.9 tỷ), Vietinbank-CTG (+52.1 tỷ)

Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index cũng có diễn biến tương tự khi thu hẹp đáng kể đà giảm vào cuối phiên và đóng cửa tại mức 279.86 điểm (-0.44%). KLGĐ khớp lệnh đạt 114.8 triệu cổ phiếu (+2.5%), tương đương 2,167.0 tỷ đồng giá trị (+8.5%).

Cổ phiếu trụ trên sàn HNX cũng ghi nhận mức giảm tương đối đáng kể. Trong đó, gây sức ép chính cho chỉ số là những cổ phiếu như Ngân hàng Bắc Á-BAB (-1.6%), Dầu khí PTSC-PVS (-2.4%) và Chứng khoán MB-MBS (-2.5%). Ở chiều ngược lại, mặc dù bị khối ngoại rút ròng liên tục trong những phiên gần đây, Chứng khoán VNDIRECT-VND (+2.9%) vẫn bay cao khi lập đỉnh lịch sử, góp phần giúp chỉ số không giảm sâu.

Khối ngoại có phiên bán ròng thứ 2 liên tiếp trên sàn HNX với giá trị 8.0 tỷ đồng (-80.0%). Với những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là Tập đoàn PAN-PAN (-4.7 tỷ), Netland-NRC (-3.4 tỷ), Chứng khoán VNDIRECT-VND (-1.3 tỷ). Trong khi đó, những cổ phiếu thu hút được dòng vốn ngoại là Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+1.2 tỷ), Hạ tầng Vĩnh Phúc-IDV (+0.4 tỷ) và Nhựa Tiền Phong-NTP (+0.4 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm thứ hai liên tiếp. Khối lượng giao dịch gia tăng vượt mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý áp lực chốt lời đang quay trở lại. Không những vậy, chỉ số quay lại đóng cửa dưới MA20, cùng với MACD nằm dưới Signal cho thấy áp lực điều chỉnh vẫn hiện hữu. Chỉ số có thể suy giảm về vùng hỗ trợ quanh 1,207 điểm (MA50). Tuy nhiên, chỉ số đang hình thành nền Spinning với bóng nến dưới dài, cùng với +DI vẫn nằm trên -DI, cho thấy lực cầu đang tham đủ để giúp chỉ số có sự cân bằng trở lại và giữ cho đà phục hồi vẫn ở trạng thái tích cực. Trong một vài phiên tới, nếu chỉ số có thể sớm lấy lại được mức đóng cửa trên MA20 thì cơ hội để chỉ số giữ được xu hướng tăng là vẫn còn. Khi đó, nhịp giảm điểm hiện tại có thể chỉ là nhịp điều chỉnh rũ bỏ và chỉ số có thể quay trở lại vùng đỉnh cũ 1,280 – 1,285 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index cũng có phiên giảm điểm. Mặc dù chỉ số nằm dưới MA5 nhưng được hỗ trợ tốt bởi MA50, cùng với nền rút chân trong phiên vừa qua, cho thấy áp lực giảm giá không quá tiêu cực. Trong trường hợp, chỉ số sớm lấy lại mức đóng cửa trên MA5 thì sẽ mở ra cơ hội phục hồi lại vùng kháng cự 287 điểm (MA20). Nhìn chung, phiên giảm điểm 07/05 vẫn chưa đủ tín hiệu thay đổi xu hướng tăng hiện tại. Do đó, nhà đầu tư quan sát thêm diễn biến của thị trường trước khi có quyết định với thay đổi tỷ trọng danh mục.

Thống kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
AGM	18.5	94.1	7.0%
SMC	34.8	1,748.4	6.9%
CMV	15.7	1.4	6.8%
NKG	30.0	8,695.3	6.8%
THI	27.7	0.3	6.1%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
FTM	2.7	938.0	-7.0%
ABS	48.8	3.9	-7.0%
HAR	5.1	1,289.3	-6.9%
SJF	3.4	1,965.6	-6.8%
FUCVREIT	25.2	0.5	-6.8%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	61.5	2,228.0	-0.5%
HPG	60.8	1,793.0	2.4%
STB	24.0	1,195.6	-1.6%
CTG	43.8	1,115.0	2.1%
TCB	47.1	1,092.8	-0.1%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
STB	24.0	49,468.3	-1.6%
ROS	6.2	39,199.6	-5.6%
FLC	11.5	37,343.0	1.8%
VPB	61.5	36,608.2	-0.5%
HPG	60.8	29,657.7	2.4%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
QST	12.1	0.1	10.0%
THS	22.1	14.6	10.0%
ECI	20.1	0.2	9.8%
DNC	58.2	0.1	9.8%
DNM	45.9	324.6	9.8%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
QHD	43.2	3.1	-10.0%
TTT	47.5	0.4	-9.9%
VIG	5.5	519.2	-9.8%
KSD	4.6	3.0	-9.8%
VE1	4.7	8.4	-9.6%

Top 5 giá trị

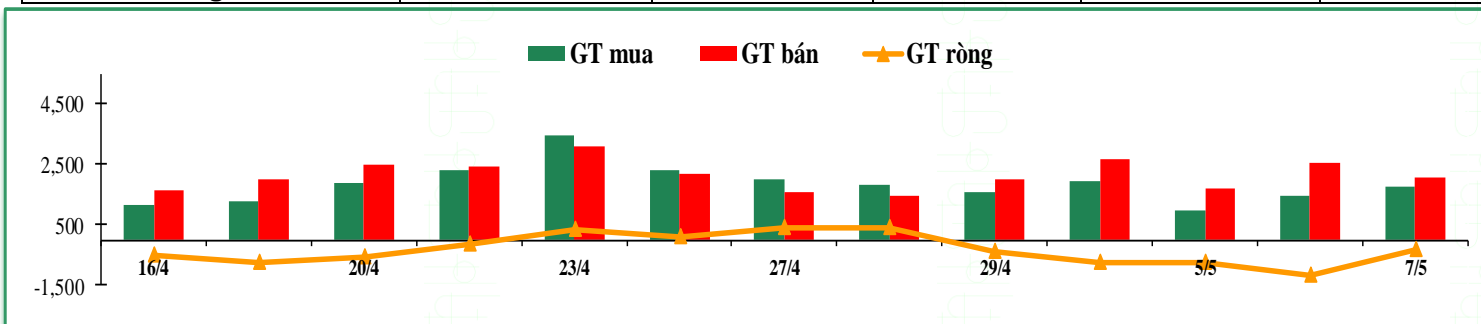
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	24.5	525.6	0.0%
VND	39.5	325.2	2.9%
THD	188.3	198.3	0.2%
SHS	27.6	177.5	-0.7%
PVS	20.6	131.1	-2.4%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	24.5	21,936.5	0.0%
KLF	5.1	8,996.9	-1.9%
VND	39.5	8,490.2	2.9%
SHS	27.6	6,428.8	-0.7%
PVS	20.6	6,287.8	-2.4%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,729.3	7.7%	2,062.4	9.2%	-333.1
HNX	7.0	0.3%	15.0	0.6%	-8.0
Tổng số	1,736.3		2,077.3		-341.1



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	61.5	289.5	-0.5%
FUEVFNVD	23.0	148.6	-3.0%
VHM	97.1	145.3	-1.6%
VNM	87.0	98.2	-2.9%
MBB	31.6	87.2	0.0%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	61.5	658.3	-0.5%
VNM	87.0	193.7	-2.9%
HPG	60.8	183.9	2.4%
VHM	97.1	84.4	-1.6%
HDB	30.0	81.5	4.2%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
FUEVFNVD	23.0	129.5	-3.0%
VHM	97.1	60.9	-1.6%
CTG	43.8	52.1	2.1%
MBB	31.6	48.1	0.0%
NVL	135.8	41.2	0.1%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	24.5	1.2	0.0%
VND	39.5	0.7	2.9%
ACM	3.2	0.5	-8.6%
NTP	36.0	0.4	-0.6%
IDV	68.2	0.4	-2.6%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PAN	24.8	4.7	-1.2%
NRC	20.8	3.4	-3.3%
VND	39.5	2.0	2.9%
VCS	92.0	0.9	-0.1%
IDJ	14.1	0.9	-3.4%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	24.5	1.2	0.0%
IDV	68.2	0.4	-2.6%
NTP	36.0	0.4	-0.6%
ACM	3.2	0.4	-8.6%
S99	22.1	0.3	-4.7%

Tin trong nước

VCBS: Lạm phát tháng 5 có thể giảm, lãi suất sẽ tiếp tục thấp

Nhóm chuyên gia của VCBS dự báo lạm phát tháng 5 có thể giảm 0,1% so với tháng 4, tương ứng tăng 2,62% so với cùng kỳ năm ngoái do sức tiêu dùng phân nào bị tác động bởi làn sóng dịch bệnh mới nhất xảy ra tại Việt Nam.

Bình quân 4 tháng đầu năm 2021, CPI tăng 0,89% so với cùng kỳ năm ngoái, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016. Trong khi đó, lạm phát cơ bản 4 tháng tăng 0,74%.

Lạm phát thấp nên trong tháng 4, lãi suất huy động và cho vay hầu như không biến động.

Về tăng trưởng kinh tế, nhóm chuyên gia dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam 6 tháng đầu năm có thể đạt 6,5 - 6,7%.

Trước đó, Tổng cục thống kê vừa công bố báo cáo tình hình kinh tế tháng 4. Trong đó, điểm nhấn chính là hoạt động xuất nhập khẩu với mức tăng trưởng cao. Cụ thể, mức tăng trưởng của hoạt động xuất khẩu lên tới 23,2%. Trong khi đó, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 4 tháng đầu năm đạt mức tăng trưởng 10%, với điểm sáng tiếp tục thuộc về ngành công nghiệp chế biến chế tạo.

Đồng thời, chỉ số PMI tháng 4 tăng tháng thứ 3 liên tiếp lên 54,7 điểm từ ngưỡng 53,6 điểm ghi nhận trong tháng trước, cho thấy ngành sản xuất tiếp tục hồi phục trong bối cảnh dịch Covid-19 được kiểm soát trong tháng vừa qua.

Giá quặng sắt tiếp tục tăng đều đặn, vượt 200 USD/tấn

Hôm nay 7/5, giá quặng sắt tham chiếu trên thị trường Châu Á tiếp tục phi mã, vượt ngưỡng 200 USD/tấn do nhu cầu mạnh mẽ đối với nguyên liệu sản xuất thép từ Trung Quốc và lo ngại nguồn cung không đáp ứng đủ cầu.

Trong nước, giá thép liên tục tăng từ đầu năm đến nay, đã tăng 40-50%, hiện thép xây dựng nhập vào các đại lý lên đến 18.200 đồng/kg, cao hơn 2.000 đồng/kg so với nửa tháng trước và tăng khoảng 5.000 đồng so với hồi đầu năm. Đây là mức tăng mạnh và các nhà máy liên tục chào giá mới tới các đại lý. So với thời điểm này năm 2019 và 2020, giá chỉ khoảng từ 12.000 - 13.000 đồng/kg thì giá thép hiện đã tăng khoảng 50%.

Nhập khẩu sắt thép cũng tăng mạnh. Số liệu của Tổng cục Hải quan cho thấy, trong quý 1/2021, cả nước nhập khẩu trên 3,68 triệu tấn sắt thép, tương đương 2,65 tỷ USD, giá trung bình đạt 719,7 USD/tấn, tăng cả về lượng, kim ngạch và giá so với quý 1/2020 với mức tăng tương ứng 11,2%, 32,2% và 18,9%. Riêng tháng 3/2021, nhập khẩu 1,43 triệu tấn sắt thép, tương đương trên 1,08 tỷ USD, giá trung bình 756,3 USD/tấn, tăng 39,4% về lượng, tăng 49,2% về kim ngạch, tăng 7% về giá so với tháng 2/2021; so với tháng 3/2020 cũng tăng cả về lượng, kim ngạch và giá với mức tăng tương ứng 7%, 32% và 23%.

Sắt thép các loại nhập khẩu vào Việt Nam có tới 50% xuất xứ từ Trung Quốc, với 1,88 triệu tấn trong quý I năm nay, tương đương 1,27 tỷ USD, giá 675,2 USD/tấn, tăng mạnh 102% về lượng, tăng 120,7% về kim ngạch, tăng 9% về giá so với cùng kỳ năm 2020. Thị trường Nhật Bản đứng thứ 2 với 508.616 tấn, tương đương 369,24 triệu USD, giá nhập khẩu 726 USD/tấn, giảm 16,9% về lượng nhưng tăng 3% về kim ngạch, tăng 24% về giá so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 14% trong tổng lượng và trong tổng kim ngạch; thị trường Hàn Quốc đứng thứ 3 với 398.366 tấn, trị giá 359,39 triệu USD, giá 902,2 USD/tấn, giảm 18,4% về lượng, nhưng tăng 2,8% về kim ngạch và tăng 26% về giá so với 3 tháng đầu năm 2020, chiếm 10,8% trong tổng lượng và chiếm 13,6% trong tổng kim ngạch nhập khẩu sắt thép của cả nước.

Tham khảo: Reuters

Nguồn: Cafef

Tin doanh nghiệp niêm yết

Vingroup chỉ bán được 12,3 triệu cổ phiếu Vinatex

Tập đoàn Vingroup (HoSE: VIC) thông báo bán được gần 12,3 triệu cổ phiếu Tập đoàn Dệt may Việt Nam (Vinatex, UPCoM: VGT), trong tổng số đăng ký bán 25 triệu đơn vị trong tháng 4. Tạm tính theo mức bình quân 16.000 đồng/cp, số tiền Vingroup thu về khoảng 197 tỷ đồng.

Hiện Vingroup vẫn còn nắm giữ hơn 37,7 triệu cổ phiếu VGT, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 7,54%. Như vậy, Vingroup là cổ đông lớn thứ 3 tại Vinatex.

Sản lượng bán hàng Hòa Phát tháng 4 đạt 869.000 tấn, giảm 13% so với tháng trước

Theo thông tin từ Tập đoàn Hòa Phát (HoSE: HPG), sản lượng bán hàng trong tháng 4 đạt 869.000 tấn sản phẩm thép các loại, tăng 65% so với cùng kỳ năm trước và giảm 13,1% so với tháng trước.

Tất cả các khu liên hợp sản xuất gang thép của Hòa Phát đều đã phát huy hết công suất thiết kế để phục vụ nhu cầu thị trường mùa cao điểm.

Mục tiêu sản lượng của Hòa Phát với các sản phẩm thép trong năm 2021 là 5 triệu tấn thép xây dựng thành phẩm và phôi thép, 2,7 triệu tấn HRC, 920.000 tấn ống thép và trên 300.000 tấn tôn mạ các loại.

Trong quý I, doanh thu đạt 31.177 tỷ đồng, tăng 62%; lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ 6.978 tỷ đồng, gấp 3 lần cùng kỳ năm trước.

Becamex tăng cổ tức năm 2020 lên 8%, dừng kế hoạch tăng vốn

Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (Becamex, HoSE: BCM) vừa công bố tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2021, dự kiến diễn ra vào ngày 28/5 tại Bình Dương.

Năm 2021, Becamex đề ra mục tiêu tổng doanh thu hợp nhất 8.900 tỷ đồng, tăng 15% so với năm ngoái. Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế 2.300 tỷ đồng, tăng 5% so với năm 2020. Riêng mục tiêu lợi nhuận sau thuế công ty mẹ tăng đến 44% lên 1.119 tỷ đồng.

Theo báo cáo tài chính quý I, tổng công ty ghi nhận doanh thu tăng 14% lên gần 1.400 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế thu về gần 468 tỷ đồng, tăng 41% so với cùng kỳ và thực hiện hơn 20% kế hoạch năm.

Năm ngoái, Becamex có lợi nhuận sau thuế công ty mẹ là 778 tỷ đồng. HĐQT trình phương án chia cổ tức 8%, tương đương số tiền 828 tỷ đồng. Đây là mức cao gấp đôi so với con số kế hoạch 4% đầu năm ngoái.

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020, Becamex sẽ thực hiện kế hoạch phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 10.350 tỷ đồng lên 20.000 tỷ đồng bằng hình thức phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu và phát hành riêng lẻ.

Tuy nhiên Becamex vẫn chưa được Chính phủ và các Bộ, ngành trung ương phê duyệt lộ trình thoái vốn và tỷ lệ nhà nước nắm giữ tại tổng công ty cho nên việc phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ vẫn chưa thực hiện được.

Nguồn: NDH

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DGC	Nắm giữ	29/04/21	68.4	60.8	12.5%	71.7	17.9%	58.2	-4.3%	Xu hướng tăng mạnh

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	POM	Quan sát mua	10/05/21	18.8	22 23.5	Phiên bật tăng tốt từ nền tích lũy kèm vol cao trở lại -> khả năng bắt đầu nhịp tăng mới
2	MSB	Quan sát mua	10/05/21	22.2	24-24.5	Hai phiên điều chỉnh tích cực với nền nhỏ, vol thấp sau nền break kênh giảm -> khả năng sớm tăng trở lại
3	VNM	Quan sát mua	10/05/21	87	95-96	Nhịp giảm về vùng hỗ trợ mạnh 85-87 + nền giảm dài, vol cao, đi kèm gap xuất hiện cho tín hiệu bán hoảng loạn + RSI quá bán -> có cơ hội sớm tạo đáy và hồi phục trở lại

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	FPT	Mua	20/04/21	83	81.5	1.8%	95	16.6%	78.8	-3%	
2	NLG	Mua	26/04/21	38.8	34.95	11.0%	40	14.4%	33.4	-4%	
3	VSC	Mua	28/04/21	47.7	49.9	-4.4%	55	10%	47	-6%	
4	DGC	Nắm giữ	29/04/21	68.4	60.8	12.5%	71.7	18%	58.2	-4%	
5	MWG	Mua	04/05/21	140.2	140.9	-0.5%	172	22%	134.6	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

6	STB	Mua	05/05/21	24	24.1	-0.4%	26.3	9%	22.9	-5%
7	IJC	Mua	06/05/21	26.8	26.25	2.1%	32.85	25%	24.8	-6%
8	CKG	Mua	07/05/21	15.9	15.5	2.6%	17.1	10%	14.9	-4%

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 07/05/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2016	2,580	7,900	0.6%	206%	23,020	46	83,000	6,627	(1,273)	SSI	FPT	50,000	5.0	22/06/2021
CFPT2101	1,500	6,200	14.0%	313%	31,790	59	83,000	1,461	(4,739)	MBS	FPT	74,500	6.0	05/07/2021
CHDB2101	1,000	3,770	11.9%	277%	43,660	138	30,000	332	(3,438)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2018	1,200	7,720	5.2%	543%	60,400	7	60,800	7,703	(17)	KIS	HPG	29,999	4.0	14/05/2021
CHPG2020	410	38,300	1.3%	9241%	3,130	54	60,800	34,882	(3,418)	VND	HPG	26,000	1.0	30/06/2021
CHPG2101	(54)	9,420	12.1%	-17544%	27,570	138	60,800	3,583	(5,837)	KIS	HPG	46,888	4.0	22/09/2021
CHPG2102	(518)	25,400	8.1%	-5003%	8,520	59	60,800	19,942	(5,458)	ACBS	HPG	41,000	1.0	05/07/2021
CHPG2103	(982)	13,700	10.5%	-1495%	24,250	60	60,800	9,474	(4,226)	VND	HPG	42,000	2.0	06/07/2021
CHPG2104	(1,446)	10,310	15.2%	-813%	33,010	59	60,800	5,385	(4,925)	MBS	HPG	44,800	3.0	05/07/2021
CHPG2105	(1,910)	15,260	10.6%	-899%	64,660	94	60,800	9,516	(5,744)	HCM	HPG	42,000	2.0	09/08/2021
CHPG2106	(2,374)	9,000	29.5%	-479%	69,670	112	60,800	5,492	(3,508)	MBS	HPG	50,200	2.0	27/08/2021
CHPG2107	(2,838)	2,370	0.0%	-184%	8,390	97	60,800	621	(1,749)	KIS	HPG	59,368	5.0	12/08/2021
CKDH2001	(3,302)	2,490	-2.7%	-175%	52,800	7	36,300	2,522	32	KIS	KDH	26,222	4.0	14/05/2021
CKDH2002	(3,766)	3,770	-3.1%	-200%	27,160	101	36,300	2,282	(1,488)	KIS	KDH	27,333	4.0	16/08/2021
CKDH2101	(4,230)	3,090	-3.4%	-173%	29,470	138	36,300	697	(2,393)	KIS	KDH	33,333	5.0	22/09/2021
CKDH2102	(4,694)	5,690	0.7%	-221%	21,970	98	36,300	2,692	(2,998)	MBS	KDH	31,100	2.0	13/08/2021
CMBB2010	(5,158)	15,850	0.3%	-407%	27,270	38	31,600	15,636	(214)	SSI	MBB	16,000	1.0	14/06/2021
CMBB2101	(5,622)	7,000	6.5%	-225%	70,550	60	31,600	2,846	(4,154)	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMBB2102	(6,086)	1,420	17.8%	-123%	2,390	97	31,600	19	(1,401)	KIS	MBB	34,468	10.0	12/08/2021
CMSN2009	(6,550)	3,440	-2.8%	-153%	25,550	7	95,000	3,336	(104)	KIS	MSN	61,999	9.9	14/05/2021
CMSN2101	(7,014)	3,150	-4.6%	-145%	14,730	138	95,000	145	(3,005)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	(7,478)	3,040	-1.9%	-141%	19,440	138	95,000	33	(3,007)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMSN2103	(7,942)	5,340	25.9%	-167%	85,420	98	95,000	1,369	(3,971)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	(8,406)	26,150	-0.2%	-411%	1,760	54	140,200	22,252	(3,898)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2016	(8,870)	3,570	-1.7%	-140%	28,070	34	140,200	3,242	(328)	HCM	MWG	108,000	10.0	10/06/2021
CMWG2101	(9,334)	3,890	-0.3%	-142%	11,920	60	140,200	2,361	(1,529)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	(9,798)	6,800	-2.9%	-169%	17,280	87	140,200	4,179	(2,621)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021
CMWG2103	(10,262)	3,310	-4.9%	-132%	8,570	59	140,200	1,228	(2,082)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	(10,726)	5,800	0.4%	-154%	15,010	(46)	140,200	(64)	(5,864)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	(11,190)	6,400	16.6%	-157%	16,250	112	140,200	1,448	(4,952)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2003	(11,654)	7,610	4.5%	-165%	62,170	35	135,800	7,268	(342)	KIS	NVL	63,979	9.9	11/06/2021
CNVL2101	(12,118)	5,100	-0.6%	-142%	41,070	138	135,800	3,698	(1,402)	KIS	NVL	77,999	15.8	22/09/2021
CPNJ2101	(12,582)	2,380	-2.9%	-119%	25,970	60	95,500	1,795	(585)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	(13,046)	5,300	-0.2%	-141%	24,400	87	95,500	3,186	(2,114)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CPNJ2103	(13,510)	3,980	-5.2%	-129%	15,500	42	95,500	3,379	(601)	MBS	PNJ	78,800	5.0	18/06/2021
CREE2101	(13,974)	4,150	7.8%	-130%	62,610	60	56,100	2,067	(2,083)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	(14,438)	2,450	-0.8%	-117%	13,890	138	19,350	7	(2,443)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2007	(14,902)	6,610	-2.1%	-144%	45,040	20	24,000	6,507	(103)	KIS	STB	10,999	2.0	27/05/2021
CSTB2010	(15,366)	6,280	-0.8%	-141%	32,700	35	24,000	6,013	(267)	KIS	STB	11,999	2.0	11/06/2021
CSTB2014	(15,830)	12,300	-3.1%	-178%	21,250	38	24,000	12,027	(273)	SSI	STB	12,000	1.0	14/06/2021
CSTB2101	(16,294)	6,000	-1.6%	-137%	30,430	138	24,000	1,299	(4,701)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2102	(16,758)	7,600	-0.7%	-145%	22,850	28	24,000	6,030	(1,570)	MBS	STB	18,000	1.0	04/06/2021
CSTB2103	(17,222)	6,730	0.5%	-139%	69,090	94	24,000	3,050	(3,680)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	(17,686)	7,650	0.8%	-143%	75,100	112	24,000	1,747	(5,903)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	(18,150)	25,560	0.2%	-241%	32,410	84	47,050	25,158	(402)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	(18,614)	19,200	2.1%	-203%	18,670	151	47,050	16,325	(2,875)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	(19,078)	8,500	-0.4%	-145%	49,030	60	47,050	5,588	(2,912)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	(19,542)	9,680	-0.2%	-150%	57,270	94	47,050	5,873	(3,807)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	(20,006)	5,400	42.1%	-127%	1,500	112	47,050	1,342	(4,058)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2001	(20,470)	340	-43.3%	-102%	93,040	7	21,900	(0)	(340)	KIS	TCH	22,888	3.9	14/05/2021
CTCH2003	(20,934)	2,350	-7.1%	-111%	64,370	101	21,900	92	(2,258)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	(21,398)	2,880	-7.1%	-113%	7,220	138	21,900	136	(2,744)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CTCH2102	(21,862)	3,300	6.1%	-115%	31,560	98	21,900	86	(3,214)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	(22,326)	1,410	36.9%	-106%	11,140	97	21,900	0	(1,410)	KIS	TCH	31,668	4.0	12/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVHM2008	(22,790)	2,800	-5.1%	-112%	45,990	35	97,100	840	(1,960)	KIS	VHM	88,888	10.0	11/06/2021
CVHM2101	(23,254)	3,270	-5.2%	-114%	18,860	138	97,100	95	(3,175)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	(23,718)	3,750	-2.1%	-116%	36,850	60	97,100	1,043	(2,707)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2103	(24,182)	2,860	-9.8%	-112%	26,430	28	97,100	428	(2,432)	MBS	VHM	93,000	10.0	04/06/2021
CVHM2104	(24,646)	3,700	-3.1%	-115%	60,070	94	97,100	288	(3,412)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	(25,110)	3,880	20.5%	-115%	74,200	98	97,100	107	(3,773)	MBS	VHM	105,000	8.0	13/08/2021
CVHM2106	(25,574)	1,980	52.9%	-108%	8,960	97	97,100	2	(1,978)	KIS	VHM	118,668	10.0	12/08/2021
CVIC2005	(26,038)	3,250	-4.7%	-112%	35,980	35	132,000	2,535	(715)	KIS	VIC	106,868	10.0	11/06/2021
CVIC2101	(26,502)	3,590	-2.5%	-114%	27,170	138	132,000	449	(3,141)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2102	(26,966)	4,140	0.0%	-115%	8,720	28	132,000	3,216	(924)	MBS	VIC	100,000	10.0	04/06/2021
CVJC2006	(27,430)	1,110	-9.8%	-104%	30,160	35	119,500	431	(679)	KIS	VJC	111,111	20.0	11/06/2021
CVNM2011	(27,894)	1,170	-1.7%	-104%	53,310	35	87,000	(0)	(1,170)	KIS	VNM	133,333	16.3	11/06/2021
CVNM2101	(28,358)	2,390	-2.9%	-108%	9,650	138	87,000	0	(2,390)	KIS	VNM	126,888	19.8	22/09/2021
CVNM2102	(28,822)	2,270	-4.6%	-108%	38,120	60	87,000	0	(2,270)	VND	VNM	108,994	9.9	06/07/2021
CVNM2103	(29,286)	2,450	-0.4%	-108%	22,500	42	87,000	0	(2,450)	MBS	VNM	104,000	10.0	18/06/2021
CVNM2104	(29,750)	3,250	23.6%	-111%	40,570	129	87,000	14	(3,236)	MBS	VNM	103,000	10.0	13/09/2021
CVPB2015	(30,214)	35,310	-3.3%	-217%	20,130	84	61,500	35,628	318	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	(30,678)	13,200	1.5%	-143%	17,200	60	61,500	12,315	(885)	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2102	(31,142)	12,700	-1.4%	-141%	11,450	28	61,500	13,029	329	MBS	VPB	35,500	2.0	04/06/2021
CVPB2103	(31,606)	13,600	0.4%	-143%	26,850	94	61,500	12,601	(999)	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	(32,070)	7,340	24.2%	-123%	83,030	112	61,500	4,288	(3,052)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2009	(32,534)	870	-12.1%	-103%	65,930	20	31,000	51	(819)	KIS	VRE	30,999	5.0	27/05/2021
CVRE2011	(32,998)	1,350	-9.4%	-104%	17,600	35	31,000	32	(1,318)	KIS	VRE	31,888	4.0	11/06/2021
CVRE2013	(33,462)	8,290	-0.8%	-125%	15,890	84	31,000	3,695	(4,595)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	(33,926)	2,910	2.1%	-109%	14,780	138	31,000	136	(2,774)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	(34,390)	2,530	0.4%	-107%	49,660	60	31,000	345	(2,185)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	(34,854)	2,850	-1.7%	-108%	30,290	94	31,000	189	(2,661)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	(35,318)	4,800	-1.0%	-114%	17,770	98	31,000	120	(4,680)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**	
GEG	(New)	HOSE	16,850	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP	(New)	HOSE	58,600	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
VNM	(New)	HOSE	87,000	128,000	04/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
CTD	(New)	HOSE	58,600	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
STK	(New)	HOSE	32,700	41,000	28/04/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
DHG		HOSE	97,500	100,400	28/04/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
PNJ		HOSE	95,500	116,000	27/04/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
HPG		HOSE	60,800	52,900	27/04/2021	16,753	5,038	22,193	23%	12%	10.5	2.4	5%
FPT		HOSE	83,000	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
DGW		HOSE	119,000	103,700	13/04/2021	425	9,881	35,452	28%	11%	10.5	2.8	20%
VHC		HOSE	36,100	48,900	12/04/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
ACV		UPCOM	70,500	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
MSN		HOSE	95,000	110,800	08/04/2021	2,209	1,890	16,195	13%	2%	58.7	6.9	-
ANV		HOSE	21,850	26,000	05/04/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
REE		HOSE	56,100	62,100	02/04/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
PLX		HOSE	50,700	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
SBT		HOSE	19,350	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
MPC		UPCOM	34,900	44,700	25/03/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
FMC		HOSE	31,100	43,900	18/03/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
GVR		HOSE	24,800	40,200	17/03/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
VRE		HOSE	31,000	43,400	12/03/2021	3,135	1,423	12,382	10%	7%	29.2	3.3	-

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

TCM		HOSE	104,500	66,000	11/03/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	12.5	2.0	-
MWG		HOSE	140,200	140,600	08/03/2021	4,546	10,036	41,716	24%	9%	14.0	3.4	15%
GAS		HOSE	84,000	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH		HOSE	52,500	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
GMD		HOSE	34,100	54,800	24/02/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	10%
NLG		HOSE	38,800	39,000	24/02/2021	966	3,763	26,600	14%	7%	10.4	1.5	5%
TNG		HOSE	20,600	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL		HOSE	75,500	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
GTN		HOSE	17,550	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
IMP		HOSE	72,500	59,400	21/01/2021	210	3,144	27,758	12%	10%	18.9	2.3	20%
FRT		HOSE	27,100	37,700	20/01/2021	28	350	15,466	2%	1%	62.0	1.4	10%
VCB		HOSE	97,000	113,000	19/01/2021	18,436	4,971	31,498	17%	1%	22.7	3.6	0%
ACB		HOSE	35,200	32,300	19/01/2021	8,912	4,123	20,313	23%	2%	7.8	3.6	0%
TCB		HOSE	47,050	26,700	19/01/2021	15,022	4,292	25,693	18%	4%	6.5	1.1	0%
VHM		HOSE	97,100	102,000	19/01/2021	35,222	10,530	42,470	37%	12%	9.8	2.4	-
KDH		HOSE	36,300	29,400	19/01/2021	1,763	3,182	17,973	19%	8%	8.5	1.5	-
SAB		HOSE	153,000	182,900	19/01/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
LHG		HOSE	37,450	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
PHR		HOSE	50,000	67,650	19/01/2021	1,105	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
PVS		HNX	20,600	16,100	19/01/2021	928	1,843	27,820	7%	3%	8.7	0.6	5%
PLX		HOSE	50,700	56,200	19/01/2021	3,917	2,905	21,808	17%	7%	19.3	2.6	30%
CTR		UPCOM	82,500	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW		HOSE	12,100	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%
CTD		HOSE	58,600	66,000	19/01/2021	702	8,852	115,000	8%	5%	7.5	0.6	30%
VHC		HOSE	36,100	50,600	14/01/2021	892	5,134	26,696	18%	13%	9.9	1.9	-

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.